TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-ST
Ngày:18/3/2022
"V/v Tranh chấp chia thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Đàm Nhân Trác.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Đức và ông Chu Quang Liêm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 *"Về việc Chia thừa kế"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 07/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1980;

Bị đơn: Ông Phạm Đình N, sinh năm 1944;

Trú tại: Thôn H, xã K, huyện T, Hải Dương;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Phạm Ngọc H1, sinh ngày 26/10/2000; hiện mất năng lực hành vi dân sự.

- Cháu Phạm Mạnh H2, sinh ngày 24/12/2003;

- Cháu Phạm Thu H3, sinh ngày 04/11/2015;

Người đại diện theo pháp luật của cháu H1, cháu H3: Chị Lê Thị H, sinh năm 1980; Trú tại: Thôn H, xã K, huyện T, Hải Dương;

Người đại diện theo uỷ quyền của cháu cháu H2: Chị Lê Thị H, sinh năm 1980; Trú tại: Thôn H, xã K, huyện T, Hải Dương;

Chị H có mặt; ông N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị H có mẹ chồng là Bùi Thị M chết năm 2013, bố chồng là Phạm Đình N, sinh năm 1944. Chị Lê Thị H và anh Phạm Đình H4 thiết lập quan hệ vợ chồng từ 01/01/1999, đến 23/4/2019 anh chị mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 03 con chung là Phạm Ngọc H1, sinh ngày 26/10/2000, Phạm Mạnh H2, sinh ngày 24/12/2003 và Phạm Thu H3, sinh ngày 04/11/2015. Trong quá trình sống chung anh chị có một số tài sản gồm:

Thửa đất số 202 tờ bản đồ số 16 diện tích 100 m^2, địa chỉ xã K, huyện T cấp ngày 15/8/2011, người đứng tên (Phạm Văn H4) Phạm Đình H4.

Thửa đất số 201 tờ bản đồ số 16 diện tích 100 m^2, địa chỉ xã K, huyện T cấp ngày 15/8/2011, người đứng tên (Phạm Văn H4) Phạm Đình H4.

Thửa đất số 200 tờ bản đồ số 16 diện tích 100 m^2, địa chỉ xã K, huyện T cấp ngày 12/6/2018, người đứng tên (Phạm Văn H4) Phạm Đình H4 và Lê Thị H.

Thửa đất số 267 tờ bản đồ số 23 diện tích 227 m^2, địa chỉ xã K, huyện T cấp ngày 12/6/2018 người đứng tên (Phạm Văn H4) Phạm Đình H4 và Lê Thị H.

Thửa đất số 268 tờ bản đồ số 23 diện tích 75 m^2, địa chỉ xã K, huyện T cấp ngày 12/6/2018, người đứng tên (Phạm Văn H4) Phạm Đình H4 và Lê Thị H.

Và các tài sản trên đất.

Anh H4 chết năm 2021 không để lại di chúc. Chị H đã bàn với ông Phạm Đình N làm các thủ tục phân chia di sản của anh H4 để lại, tiện cho việc đăng ký và giao dịch dân sự sau này nhưng ông N không nghe, gây khó khăn cho chị H nên chị H khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết việc phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại lời khai, bị đơn ông Phạm Đình N xác định bà Bùi Thị M là mẹ đẻ anh H4 chết năm 2013. Chị Lê Thị H là vợ anh Phạm Đình H4, sau khi anh chị cưới nhau theo phong tục của địa phương được 08 ngày, ông N cho anh chị đất ở, anh chị ra ở riêng. Năm 2021, anh H4 chết không để lại di chúc. Chị H có đơn đề nghị Toà án phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật, Toà án đã giải thích cho ông N rõ quyền nhận di sản thừa kế của anh H4 để lại nhưng ông N không đề nghị gì. Về phần đất ở, ông đã cho anh chị, ông cũng không đề nghị gì. Mặc dù không yêu cầu, đề nghị gì nhưng ông N không ký văn bản.

Lời khai của cháu Phạm Mạnh H2 là con của anh H4 chị H, hiện đã trưởng thành xác

định trong khối tài sản chung của anh H4, chị H cháu không có công sức gì đóng góp.

Theo chính quyền địa phương xác định: Nguồn gốc tài sản chung của anh H4, chị H như sau: Năm 2007 anh chị đấu thầu được 02 thửa đất ở số 201 và 202 tờ bản đồ số 16, mỗi thửa diện tích 100 m^2, được cấp giấy chứng nhận ngày 15/8/2011. Thửa đất ở số 200 tờ bản đồ số 16 diện tích 100 m^2, được cấp giấy chứng nhận ngày 12/6/2018, anh chị mua của anh Vũ Văn H5. Thửa đất ở số 267 tờ bản đồ số 23 diện tích 227 m^2 và thửa đất trồng cây lâu năm số 268 tờ bản đồ số 23 diện tích 75 m^2, được cấp giấy chứng nhận ngày 12/6/2018, là do gia đình cho anh chị. Những thửa đất của anh H4, chị H đều tại xã K, huyện T. Ngoài những thửa đất đã kê khai, anh H4 và chị H còn có một số công trình trên đất. Nay chị H yêu cầu phân chia thừa kế, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả thẩm định xác định:

1. Các hạng mục công trình trên thửa đất 267: Nhà xây năm 1997 có diện tích 22,6m^2, Nhà tắm có diện tích 3,3m^2, Nhà bếp lợp ngói có diện tích 9,6m^2. Tổng trị giá 24.346.048 đồng.

2. Các hạng mục công trình trên Thửa đất số 200, 201, 202: Nhà xây năm 2013 có diện tích 61,8m^2. Công trình phụ gồm (nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh) có diện tích 29,2m^2. Sân lợp mái tôn diện tích 10,3m^2. Lán phía trước nhà chính có diện tích 83,2m^2. 01 lán lợp tôn lạnh có diện tích 64m^2. 01 lán lợp tôn lạnh có diện tích 115,7m^2 (tiếp giáp đường 391). 01 lán lợp tôn thường phía ngoài lán bán hàng diện tích 29,0m^2. Tổng trị giá 142.641.901 đồng.

3. Các hạng mục công trình trên Thửa đất số 268: Tường bao xây gạch ba banh có chiều dài 25,28 m, cao 1,7m. Giá trị 8.083.341 đồng.

Tổng trị giá các công trình trên đất (1+2+3) bằng 175.071.290 đồng.

Đơn giá đất.

1. Đơn giá đất ở tại nông thôn ven đường huyện 391 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 500060, BĐ 145029, BĐ 145028) thuộc vị trí 1, khu vực xã K là 2.500.000 đồng/m^2: 2.500.000*300 = 750.000.000 đồng.

2. Đơn giá đất ở tại nông thôn (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C0 500063) thuộc nhóm 1, vị trí 3, khu vực xã K là 650.000 đồng/1m^2: 650.000*227 = 147.550.000 đồng.

3. Đơn giá đất trồng cây lâu năm, vị trí trong đê (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 500064) là 80.000 đồng/1m^2: 80.000*75 = 6.000.000 đồng.

Tổng trị giá đất (1+2+3) bằng 903.550.000 đồng

Cây trồng, hoa màu trên đất gồm: 06 cây sưa trị giá 3.600.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản giá là 1.082.211.029 đồng. *(Một tỷ, không trăm tám hai triệu, hai trăm hai một nghìn, không trăm hai chín đồng)*.

Tại phiên toà, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án.

Về nội dung: Toà án chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, chưa xác minh lý lịch của anh H4 để xác định hàng thừa kế; chưa lấy lời khai của chị H xác định mức đóng góp tạo lập nên khối tài sản chung với anh H4; chưa lấy lời khai của đương sự xác định nguyện vọng chia thừa kế bằng tiền hay hiện vật. Đề nghị Toà án tạm dừng phiên toà xác minh bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu H2 uỷ quyền cho nguyên đơn và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; cháu H1 mất năng lực hành vi dân sự, cháu H3 là người chưa niên nên chị H là người đại diện cho cháu H1, cháu H3; ông Phạm Đình N là bị đơn, vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 227; Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N và những người có quyền lợi liên quan.

[2] Về thời điểm mở thừa kế: Chị Lê Thị H và anh Phạm Đình H4 chung sống với nhau như vợ chồng từ 01/01/1999, đến 23/4/2019 anh chị đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh H4 chết ngày 09 tháng 3 năm 2021 không để lại di chúc. Thời điểm mở thừa kế được xác định tháng 3 năm 2021.

[3] Di sản thừa kế anh H4 để lại: Trong quá trình chung sống, anh H4 chị H có các tài sản được thẩm định và trị giá:

Các hạng mục công trình trên thửa đất 267: Trị giá 24.346.048 đồng.

Các hạng mục công trình trên Thửa đất số 200, 201, 202: Trị giá 142.641.901 đồng.

Các hạng mục công trình trên Thửa đất số 268: Trị giá 8.273.634 đồng.

Tổng trị giá: 175.071.290 đồng.

Cây trồng, hoa màu trên đất: Trị giá 3.600.000 đồng.

Trị giá các thửa đất.

1. Đơn giá đất ở tại nông thôn ven đường huyện 391 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 500060, BĐ 145029, BĐ 145028) thuộc vị trí 1, khu vực xã K là 2.500.000 đồng/m^2: 2.500.000*300 = 750.000.000 đồng.

2. Đơn giá đất ở tại nông thôn (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C0 500063) thuộc nhóm 1, vị trí 3, khu vực xã K là 650.000 đồng/1m^2: 650.000*227 = 147.550.000 đồng.

3. Đơn giá đất trồng cây lâu năm, vị trí trong đê (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 500064) là 80.000 đồng/1m^2: 80.000*75 = 6.000.000 đồng.

Cộng II = 1+2+3 = 903.550.000 đồng

Tổng cộng giá trị tài sản chung của anh H4, chị H là 1.082.211.029 đồng. *(Một tỷ không trăm tám hai triệu hai trăm hai một nghìn không trăm hai chín đồng).*

Về yêu cầu của Viện kiểm sát xác định mức đóng góp tạo lập nên khối tài sản chung giữa chị H với anh H4. HĐXX thấy: Chị Lê Thị H và anh Phạm Đình H4 thiết lập quan hệ vợ chồng từ 01/01/1999, đến 23/4/2019 anh chị đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, thời kỳ hôn nhân của chị H và anh H4 được tính từ tháng 01/1999. Các tài sản của anh chị được hình thành trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng. Anh H4, chị H có công sức ngang nhau trong việc kiến thiết và tạo dựng khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Phần tài sản của chị H và của anh H4 ngang nhau bằng 541.105.000 đồng. Anh H4 chết, di sản thừa kế của anh H4 để lại là 541.105.000đồng.

[4].Về hàng thừa kế: Viện kiểm sát huyện Tứ Kỳ xác định Toà án chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, chưa xác minh lý lịch của anh H4 để xác định hàng thừa kế. HĐXX thấy, tài liệu trong hồ sơ và lời khai của nguyên đã xác định: Chị Lê Thị H và anh Phạm Đình H4 có 03 con chung là Phạm Ngọc H1, sinh ngày 26/10/2000, Phạm Mạnh H2, sinh ngày 24/12/2003 và Phạm Thu H3, sinh ngày 04/11/2015, anh chị không có bố mẹ nuôi hoặc con nuôi nào khác. Anh H4 có mẹ đẻ là bà Bùi Thị M chết năm 2013, bố đẻ là ông Phạm Đình N, sinh năm 1944. Anh Phạm Đình H4 chết tháng 3 năm 2021 không để lại di chúc. *Như vậy những người trong hàng thừa kế thứ nhất của anh H4 được xác định là ông N, chị H, cháu H1, cháu H2, cháu H3.*

[5]. Xét yêu cầu chia thừa kế của chị Lê Thị H và các đồng thừa kế, HĐXX thấy: Khi anh Phạm Đình H4 còn sống, anh chị sinh sống trên thửa đất anh chị nhận chuyển nhượng, đấu thầu và của gia đình cho. Hiện ông Phạm Đình N có chỗ ở riêng ổn định; cháu Phạm Ngọc H1 là người mất năng lực hành vi dân sự, cháu Phạm Thu H3 là người chưa thành niên, cháu Phạm Mạnh H2 đã trưởng thành nhưng vẫn chung sống cùng chị H. Vì vậy, HĐXX cần tiếp tục giao đất ở và các tài sản trên đất cho chị Lê Thị H sử dụng. Chị H có trách nhiệm chia trả các kỷ phần cho những người trong hàng thừa kế, mỗi kỷ phần

bằng 108.221.000đ.

[6].Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Ông Phạm Đình N là người trên 60 tuổi, cháu Phạm Ngọc H1 là người có nhược điểm về thể chất, cháu Phạm Thu H3 là người chưa thành niên được miễn án phí; chị Lê Thị H, cháu Phạm Mạnh H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với trị giá phần di sản được phân chia theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 612, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H về chia di sản thừa kế của anh Phạm Đình H4 theo pháp luật.

Giao chị Lê Thị H được sở hữu và sử dụng các tài sản gồm:

Thửa đất số 202 tờ bản đồ số 16 diện tích 100 m^2, địa chỉ xã K, huyện T cấp ngày 15/8/2011, người đứng tên (Phạm Văn H4) Phạm Đình H4.

Thửa đất số 201 tờ bản đồ số 16 diện tích 100 m^2, địa chỉ xã K, huyện T cấp ngày 15/8/2011, người đứng tên (Phạm Văn H4) Phạm Đình H4.

Thửa đất số 200 tờ bản đồ số 16 diện tích 100 m^2, địa chỉ xã K, huyện T cấp ngày 12/6/2018, người đứng tên (Phạm Văn H4) Phạm Đình H4 và Lê Thị H.

Thửa đất số 267 tờ bản đồ số 23 diện tích 227 m^2, địa chỉ xã K, huyện T cấp ngày 12/6/2018 người đứng tên (Phạm Văn H4) Phạm Đình H4 và Lê Thị H.

Thửa đất số 268 tờ bản đồ số 23 diện tích 75 m^2, địa chỉ xã K, huyện T cấp ngày 12/6/2018, người đứng tên (Phạm Văn H4) Phạm Đình H4 và Lê Thị H.

Và các hạng mục công trình trên đất gồm: Nhà xây năm 1997 có diện tích 22,6m^2, Nhà tắm có diện tích 3,3m^2, Nhà bếp lợp ngói có diện tích 9,6m^2, 06 cây sưa, trên thửa đất 267.

Nhà xây năm 2013 có diện tích 61,8m^2. Công trình phụ gồm (nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh) có diện tích 29,2m^2. Sân lợp mái tôn diện tích 10,3m^2. Lán phía trước nhà chính có diện tích 83,2m^2. 01 lán lợp tôn lạnh có diện tích 64m^2. 01 lán lợp tôn lạnh có diện tích 115,7m^2. 01 lán lợp tôn thường phía ngoài lán bán hàng diện tích 29,0m^2, trên thửa đất số 200, 201, 202.

Tường bao xây gạch ba banh có chiều dài 25,28 m trên thửa đất số 268.

Tổng giá trị tài sản giao cho chị Lê Thị H là 1.082.211.029 đồng. *(Một tỷ, không trăm tám hai triệu, hai trăm hai một nghìn, không trăm hai chín đồng)*.Phần di sản thừa kế của anh Phạm Văn H4 (Phạm Đình H4) trong khối tài sản chung là 541.105.000đồng.

Chị Lê Thị H có trách nhiệm chia trả chênh lệch giá trị tài sản bằng tiền cho ông Phạm Đình N, cháu Phạm Ngọc H1, cháu Phạm Thu H3 và cháu Phạm Mạnh H2 mỗi kỷ phần bằng 108.221.000đồng. (Đối với kỷ phần của cháu Phạm Ngọc H1, cháu Phạm Thu H3, chị H là người đại diện được quyền quản lý theo quy định của pháp luật dân sự).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Đình N, cháu Phạm Đình H1, cháu Phạm Thị H3. Chị Lê Thị H, cháu Phạm Mạnh H2 mỗi người phải chịu 5.411.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi liên quan và người đại diện hợp pháp có quyền kháng cáo phần bản có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đàm Nhân Trác

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Quang Liêm **Phạm Công Đức**

Đàm Nhân Trác